

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG
Bản án số: 61/2018/HS-PT
Ngày: 29/6/2018

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Chắt.

Các Thẩm phán: Ông Lại Anh Vân

Ông Nguyễn Huy Hiệu

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Đào Chính Hương – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 84/2018/HS-PT ngày 02 tháng 5 năm 2018 đối với bị cáo Nguyễn Duy B do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 19/2018/HS-ST ngày 30/3/2018 của Tòa án nhân dân thị xã Chí Linh.

- ***Bị cáo kháng cáo:***

Nguyễn Duy B (tên gọi khác **Nguyễn Mạnh T**), sinh năm 1969 tại QO, Hà Nội; Nơi cư trú: Khu dân cư 13, phường PL, thị xã CL, tỉnh Hải Dương; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa 7/10; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Duy Đ và bà Nguyễn Thị X; Có vợ là Đinh Thị L và 4 con, lớn sinh năm 1996, nhỏ sinh năm 2017; Tiền sự: Không; Tiền án: Bản án số 282/HSPT/1987 ngày 23/4/1987 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao xử phạt 05 năm tù về tội Hiếp dâm theo điểm a khoản 2 Điều 112 BLHS 1985 (phạm tội khi bị cáo 17 tuổi), Bản án hình sự số 27/HSST/1989 của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Hưng (nay là tỉnh Hải Dương) xử phạt 24 tháng tù về tội Cố ý gây thương tích theo khoản 1 Điều 109 BLHS 1985 và 24 tháng tù về tội Trốn khỏi nơi giam theo khoản 1 Điều 245 BLHS 1985, tổng hợp với 33 tháng tù của bản án số 282/HSPT/1987 buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 81 tháng tù; Bị tạm giữ từ ngày 29/12/2017, đến ngày 06/01/2018 thì tạm giam tại Trại tạm giam Kim Chi – Công an tỉnh Hải Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ ngày 22/01/1992, tại cơ sở lao động cải tạo của Trại giam HT ở thị trấn PL (nay là phường PL), thị xã CL, tỉnh Hải Dương, Nguyễn Duy B là phạm nhân đang chấp hành hình phạt 81 tháng tù của bản án số 27/HSPT/1989 ngày 18/3/1989 của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Hưng (nay là tỉnh Hải Dương) về tội “Cố ý gây thương tích” và tội “Trốn khỏi nơi giam” cùng các phạm nhân Phùng Đức T, Trần Văn M. Lợi dụng sơ hở của cán bộ quản giáo, B, M, T rủ nhau trốn khỏi nơi lao động để đi chơi. Khi đi đến khu vực chợ Ban thuộc phường PL, thị xã CL, cả ba đứng chờ người quen nhưng không thấy, B rủ M và T đến khu tập thể Xí nghiệp 104, Công ty 18 thuộc thị trấn PL chơi. B sử dụng chiếc đèn pin mang theo từ nơi lao động soi thấy có phòng ở của ông Nguyễn Minh Q là kế toán tài vụ của Xí nghiệp 104 bật đèn sáng, cửa ngoài khóa đơn giản, bên trong không có người nên B nảy sinh ý định phá khóa vào phòng để trộm cắp tài sản. B bảo T đi tìm dụng cụ để phá khóa, T nhặt được 01 thanh sắt phi 16 dài khoảng 30cm ở gần đó. Cả ba người cùng thay nhau dùng thanh sắt cạy cửa phòng, B đứng ở ngoài cảnh giới còn M và T vào trong phòng lấy tài sản, gồm: T lấy 05 chiếc áo, 01 chiếc quần buộc vào người và 1.400.000 đồng để ở chiếc hòm không khóa cho vào túi quần đang mặc. Sau đó, T tiếp tục lấy 01 chiếc xe Cub 50, đời 79, sơn màu xanh, biển kiểm soát 34.206-HT dong ra ngoài. Sau khi lấy được tài sản, T vất thanh sắt ở gần đó (không xác định được vị trí). M đi về nơi lao động trước, B và T đi chiếc xe trộm cắp được về nhà T ở khu dân cư CN I, phường CH, thị xã CL cất giấu, sau đó cả hai quay lại nơi lao động. Trên đường đi, T đã vất 05 chiếc áo và 01 chiếc quần đi (không xác định được nơi vứt). T đưa cho B số tiền 1.400.000đ, B đưa lại cho T 200.000đ, còn lại B chi tiêu cá nhân hết. Đến sáng ngày 23/01/1992, B thấy cán bộ Công an huyện Chí Linh (nay là thị xã Chí Linh) đến làm việc, do sợ bị bắt nên khoảng 19 giờ 30 phút cùng ngày B đã lợi dụng sơ hở của cán bộ quản giáo tiếp tục bỏ trốn khỏi nơi giam giữ, cải tạo. Sau khi bỏ trốn, B vào huyện LH, Lâm Đồng làm ăn, sinh sống không có hành vi vi phạm pháp luật, đến ngày 29/12/2017 thì bị Công an tỉnh Hải Dương bắt theo Lệnh truy nã.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 20/KLGĐ ngày 05/01/2018 của Hội đồng định giá tài sản thị xã Chí Linh kết luận: Chiếc xe mô tô Cub 50, đời 79, máy cối, màu xanh, biển kiểm soát 24-206HT mua mới năm 1990 với giá 5.000.000đ, tại thời điểm ngày 22/01/1992 trị giá 3.900.000đ. Đối với 05 chiếc

áo và 01 chiếc quần, người bị hại và tại bản án số 186/HSST1992 xác định tại thời điểm bị mất trị giá 80.000đ.

Bản án hình sự sơ thẩm số 19/2018/HSST ngày 30/3/2018 đã áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173, khoản 1 Điều 386, điểm h, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38, Điều 55, khoản 2 Điều 56 BLHS năm 2015 xử phạt bị cáo Nguyễn Duy B 04 (bốn) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” và 02 (hai) năm tù về tội “Trốn khỏi nơi giam”. Tổng hợp hình phạt với bản án số 27/HSST/1989 ngày 28/3/1989, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 08 năm 05 tháng 05 ngày tù, thời hạn tù 29/12/2017. Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, xử lý vật chứng, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 14/4/2018, bị cáo B kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt đối với cả hai tội.

Tại phiên tòa: Bị cáo giữ nguyên kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt đối với tội Trộm cắp tài sản, còn rút nội dung xin giảm nhẹ đối với tội Trốn khỏi nơi giam.

Đại diện VKSND tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa đề nghị HĐXX chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo, xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo đối với tội Trộm cắp tài sản từ 9 đến 12 tháng tù, giữ nguyên hình phạt đối với tội Trốn khỏi nơi giam, sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Kháng cáo của bị cáo trong thời hạn theo quy định tại Điều 333 BLTTHS nên kháng cáo là hợp pháp, được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại giai đoạn điều tra, truy tố và xét xử sơ thẩm cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ kết luận:

[3]. Ngày 22/01/1992, khi đang chấp hành hình phạt tù tại Trại giam HT – Bộ Công an, Nguyễn Duy B cùng với phạm nhân Phùng Đức T và Trần Văn M bỏ trốn khỏi nơi lao động đến Khu tập thể xí nghiệp 104, Công ty 18, thị trấn PL, huyện CL (nay là khu dân cư số 13, phường PL, thị xã CL) lén lút chiếm đoạt của ông Nguyễn Minh Q 01 chiếc xe Cub 50, đời 79, màu xanh BKS 24.206 HT trị giá 3.900.000đ, 05 chiếc áo và 01 chiếc quần trị giá 80.000đ và số tiền 1.400.000đ. Tổng tài sản chiếm đoạt là 5.380.000đ. Sau khi thực hiện hành vi trộm cắp, cả 3 trở lại nơi giam giữ cải tạo đến 19 giờ 30 phút ngày

23/01/1992, B trốn khỏi nơi giam giữ cải tạo vào huyện LH, Lâm Đồng làm ăn sinh sống đến 29/12/2018 thì bị bắt theo Lệnh truy nã.

[4]. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì ham tiền và không có ý thức tôn trọng pháp luật nên đã cố ý thực hiện việc phạm tội. Đối với hành vi trộm cắp tài sản, mặc dù tổng giá trị tài sản các bị cáo trộm cắp là 5.380.000đ nhưng vì bị cáo B đã tái phạm, chưa được xóa án tích nay lại phạm tội do cố ý nên phải chịu trách nhiệm hình sự theo điểm g khoản 2 Điều 173 BLHS. Đối với hành vi trốn khỏi nơi giam đã cấu thành tội phạm theo quy định tại khoản 1 điều 386 BLHS. Cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[5]. Xét nội dung kháng cáo: Tài sản bị cáo chiếm đoạt không lớn, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm h, s khoản 1 điều 51 đó là khai báo thành khẩn, phạm tội gây thiệt hại không lớn. Tại giai đoạn phúc thẩm bị cáo tự nguyện nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm, thể hiện sự ăn năn hối cải. Cấp sơ thẩm xử bị cáo 4 năm tù về tội Trộm cắp là nghiêm, nên cần giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt mới tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo gây ra. Kháng cáo của bị cáo có căn cứ chấp nhận, nên sửa bản án sơ thẩm.

[6] Kháng cáo của bị cáo được chấp nhận nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[7]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị, Hội đồng xét xử không xét và đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 173, khoản 1 Điều 386, điểm h, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38, Điều 55, khoản 2 Điều 56 BLHS năm 2015; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Duy B (Nguyễn Mạnh T), sửa bản án sơ thẩm 19/2018/HSST ngày 30/03/2018 của TAND thị xã Chí Linh về phần hình phạt đối với tội Trộm cắp tài sản.

- Tuyên bố bị cáo Nguyễn Duy B (Nguyễn Mạnh T) phạm tội “Trộm cắp tài sản” và tội “Trốn khỏi nơi giam”.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Duy B 03 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, 02 năm tù về tội “Trốn khỏi nơi giam giữ”, tổng hợp hình phạt với Bản án số

27/HSST/1989 ngày 28/3/1989 của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Hưng, đối với phần hình phạt chưa chấp hành, buộc bị cáo B phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai Bản án là 7 năm 5 tháng 5 ngày tù, thời hạn tính từ ngày tạm giữ 29/12/2017.

2. Về án phí: Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 29/6/2018.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Sở TP tỉnh HD;
- Phòng HSNV-CA tỉnh HD;
- TAND TX Chí Linh;
- Công an TX Chí Linh;
- VKSND TX Chí Linh;
- Chi cục THADS TX Chí Linh;
- Bị cáo;
- Lưu Tòa, Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Chất